

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2019/HS-PT
Ngày: 28/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**.

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị T1 Vân**
Ông **Trần Quốc Vũ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Kiều Trang**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bé Thi** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 163/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 67/2019/HSST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1986, tại tỉnh T; nơi cư trú: Tổ 2, ấp A1, xã A, huyện T2, tỉnh T; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; vợ Trần Thị P, con có một người sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18-7-2006 bị Tòa án quân sự Khu vực 1- Quân khu 7 xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 06-7-2019 đến ngày 15-7-2019 được cho tại ngoại, bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15-7-2019; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T1 (P1), sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ấp A1, xã A, huyện T2, tỉnh T. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại chị Lê Thị Kim L không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 05-7-2019, Nguyễn Hoàng N điều khiển xe mô tô biển số 70F9-4166 đến quán cà phê “T&T” thuộc ấp T3, xã G, huyện T2, tỉnh T để uống nước. Khoảng 10 phút sau, N ra phía sau quán đi vệ sinh thì nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 8 Plus 64Gb, màu vàng của chị Lê Thị Kim L để trong phòng không có người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm đem bán để có tiền tiêu xài. Sau đó, N lén lút đi vào trong phòng lấy điện thoại của chị Ly bỏ vào túi quần và điều khiển xe mô tô ra về. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, chị Ly cùng anh Lê Tấn P2 dùng ứng dụng định vị truy tìm và báo Công an bắt quả tang N cùng tang vật tại tiệm massage “Sao Băng” thuộc ấp T3, xã G, huyện T2, tỉnh T.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 8 Plus 64Gb, màu vàng, số IMEI: 359401089160656 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Forme, màu đen, số IMEI 1: 357738071453280, số IMEI 2: 357738071453298 (đã qua sử dụng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RS, biển số 70F9-4166, màu đỏ đen bạc, số khung RLHHC09027Y-633110, số máy: HC09E-5732992 (đã qua sử dụng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 06-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện T2, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 8 Plus 64Gb, màu vàng, số IMEI: 359401089160656 có giá trị 15.992.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 67/2019/HSST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-7-2019 đến ngày 15-7-2019 vào thời gian chấp hành hình phạt tù, 01 ngày tạm giữ bằng 01 ngày tù nên thời gian bị cáo phải chấp hành hình phạt là 05 (năm) tháng 20 (hai mươi) ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/10/2019, bị cáo Nguyễn Hoàng N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo N phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 05-7-2019, tại quán cà phê “T&T” thuộc ấp T3, xã G, huyện T2, tỉnh T bị cáo N nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 8 Plus 64Gb, màu vàng của chị Ly để trong phòng, không khóa cửa, không người trông coi nên bị cáo đã lén lút lấy điện thoại nhằm mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị bắt cùng tang vật.

[2] Hành vi bị cáo Nguyễn Hoàng N thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng N là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần xử lý nghiêm để ổn định trật tự xã hội và phòng ngừa tội phạm khác.

[4] Khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã có thời gian phục vụ quân đội tại Bộ đội biên phòng tỉnh T và đã được xuất ngũ vào năm 2006. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu thể hiện bị cáo đã bị kết án 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” vào năm 2006.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng N thì thấy rằng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là hành vi trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích tư lợi cá nhân. Bản thân bị cáo từng bị kết án 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” vào năm 2006, bị cáo đã được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện một tội phạm khác. Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và yêu cầu về phục vụ công tác phòng chống tội phạm tại địa phương thì bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng chế định án treo cũng như cải tạo không giam giữ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận em của bị cáo là Nguyễn Hoàng Thuận bị bệnh tâm thần và 2 bằng khen của Liệt sĩ Nguyễn Văn C là bác ruột của mẹ bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo là phù hợp. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, về cách khấu trừ thời gian tạm giữ của bị cáo cấp sơ thẩm tuyên chưa phù hợp, cấp phúc thẩm cần điều chỉnh cho phù hợp.

[6] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng N.

Sửa bản án sơ thẩm số 67/2019/HSST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh T.

1. **Tuyên bố** bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 03 **(ba) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06-7-2019 đến ngày 15-7-2019.

2. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hoàng N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV TAND tỉnh;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- Lưu HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Ánh Nguyệt

Trần Thị Kim Sang *Lưu Ánh Nguyệt* *Nguyễn Thị T1*
Vân